

Số: /TYC-BVNT

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2025

YÊU CẦU CHÀO GIÁ

Kính gửi: Quý Công ty

Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho danh mục mua sắm vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu chào giá:

1. Đơn vị yêu cầu chào giá: Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận, địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Cừ, P. Ninh Chữ, tỉnh Khánh Hòa.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Chi - Phòng VTTBYT – SĐT: 0379.338.838.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Bản gốc nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận, Đường Nguyễn Văn Cừ, P. Ninh Chữ, tỉnh Khánh Hòa.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: từ 15h ngày 22 tháng 8 năm 2025 đến trước 15h ngày 08 tháng 9 năm 2025. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 08/9/2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục chào giá: Mua sắm vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận (phụ lục 01,02).

2. Yêu cầu hồ sơ nhà thầu tham dự đính kèm các tài liệu sau:

- Thư chào giá hoặc bảng báo giá của nhà thầu theo mẫu tại phụ lục 03.

- Tài liệu chứng minh về tính hợp lệ của hàng hóa theo yêu cầu tại phụ lục 03.1 (Số phiếu tiếp nhận, số lưu hành, số đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy phép nhập khẩu; Phân loại TBYT; Hồ sơ công bố tiêu chuẩn loại A, B; Mã kê khai giá). Công ty có thể gửi tài liệu sau thời hạn nhận báo giá trong vòng 5 ngày làm việc.

- Nhà thầu cung cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) hoặc giấy chứng nhận lưu hành (MA) các nước cho các nhóm danh mục tại phụ lục 01, 02 (nếu có).

- Catalogue của nhà sản xuất và kèm theo bản dịch sang tiếng việt của hàng hoá (đính kèm file trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia: <https://muasamcong.mpi.gov.vn>

hoặc <https://chaogiattbyt.moh.gov.vn> hoặc vtyt.bvninhthuan@gmail.com hoặc gửi trực tiếp).

- Quyết định trúng thầu hoặc hợp đồng trúng thầu có danh mục tương tự tại các Bệnh viện công lập bằng hình thức đấu thầu rộng rãi gần nhất (nếu có).

- Đối với danh mục nhóm số 8 của phụ lục 01: Công ty có thể báo giá một hoặc nhiều mặt hàng trong danh mục.

3. Địa điểm giao hàng: Kho Vật tư – Phòng VTTBYT, Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận.

4. Thời gian giao hàng dự kiến: Không quá 03 ngày, kể từ ngày Bệnh viện đặt hàng.

5. Dự kiến thanh toán tiền hàng: Trong vòng 03 tháng kể từ khi nghiệm thu hàng hoá.

6. Các thông tin khác:

- Số lượng báo giá: 02 bản.

- Đơn giá trên báo giá đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển và các chi phí khác (nếu có).

- Hạn dùng của hàng hoá: đề nghị Quý Công ty cung cấp hạn dùng tính từ ngày Bệnh viện nhận được hàng.

- Thư yêu cầu này được đăng tải trên các trang thông tin điện tử: benhvienninhthuan.vn; muasamcong.mpi.gov.vn; chaogiattbyt.moh.gov.vn.

- Ngoài phong bì, Quý công ty ghi rõ thông tin: **Tên đơn vị tham gia báo giá; Tên danh mục báo giá; Người nhận: Chi - Phòng VTTBYT – SĐT: 0379.338.838, Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận.**

Rất mong nhận được sự hợp tác của Quý Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, VTTBYT,

GIÁM ĐỐC

Lê Huy Thạch

DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ
PHỤC VỤ CÔNG TÁC KHÁM, CHỮA BỆNH

(Đính kèm Biên bản số: /BB-BVNT ngày / /2025 của Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận)

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
I.	Nhóm số 1: Dây các loại			
1	Dây cho ăn	Chất liệu nhựa PVC nguyên sinh hoặc tương đương, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. Các cỡ: 5 - 18Fr, gồm 2 loại có nắp và không có nắp.	Sợi	8.000
2	Dây garo	Thun bản dẹt hoặc tương đương, dài $\geq 250\text{mm}$. Có gai dính và móc gài nhựa.	Sợi	1.500
3	Dây truyền dịch	Chất liệu: nhựa PVC nguyên sinh hoặc tương đương, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao. Độ dài dây dẫn $\geq 1500\text{mm}$, có kim Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch, thể tích $\geq 8.5\text{ml}$, có bầu cao su tiếp thuốc Đầu nối Luer lock Tiệt trùng bằng khí EO	Sợi	700.000
4	Dây truyền máu	Chất liệu PVC nguyên sinh hoặc tương đương, không chứa DEHP, không gây sốt, không độc hại. Dây dài $\geq 1500\text{mm}$, có kim Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch kích thước lỗ lọc $\leq 200\mu\text{m}$, tốc độ dòng chảy 20 giọt/ml Tiệt trùng bằng khí EO Đầu nối Luer lock	Cái	22.000
5	Khóa ba ngã	- Chất liệu Polyamide hoặc tương đương - Chống nứt gãy, rò rỉ khi truyền với nhũ dịch béo hay các loại thuốc - Dây nối dài $\geq 25\text{ cm}$, không DEHP, thay thế bằng DEHT an toàn - Chịu áp lực $\leq 2\text{ bar}$	Cái	30.000
6	Dây nối mềm	- Chất liệu PVC hoặc tương đương, không DEHP - Chịu áp lực $\leq 2\text{ bar}$ - Đầu nối Luer Lock, có khóa dừng - Có cổng chích thuốc	Cái	1.000
7	Khóa 3 ngã	- Chất liệu Polyamide hoặc tương đương - Chống nứt gãy, rò rỉ khi truyền với nhũ dịch béo hay các loại thuốc - Loại không dây - Chịu áp lực $\leq 2\text{ bar}$	Cái	150
8	Dây nối bơm tiêm điện	- Chất liệu PE hoặc tương đương, không PVC - Chiều dài $\geq 150\text{ cm}$ - Dùng cho bơm tiêm điện áp suất $\leq 2\text{ bar}$ - Đầu nối Luer Lock	Cái	35.000

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
9	Dây nối bơm thuốc cân quang	- Chất liệu PVC hoặc tương đương, không chứa DEHP - Chiều dài $\geq 30\text{cm}$ - Đầu nối Luer Lock	Sợi	20.000
10	Dây nối bơm thuốc cân quang	- Chất liệu PVC hoặc tương đương, không chứa DEHP - Chiều dài $\leq 75\text{cm}$ - Đầu nối Luer Lock	Sợi	35.000
11	Dây truyền dịch tự động	- Chất liệu PVC hoặc tương đương, không DEHP, thay thế bằng DEHT an toàn - Chiều dài $\geq 180\text{cm}$ - Chịu áp lực $\leq 2\text{ bar}$, - Có bầu đếm giọt 2 ngăn cứng - mềm - Màng lọc có chức năng lọc vi khuẩn tại van thông khí - Màng lọc dịch $15\text{ }\mu\text{m}$ - Đầu khóa vặn xoắn Luer Lock	Sợi	5.000
12	Túi đựng máu	- Chất liệu PVC hoặc tương đương, có khả năng thu thập được 250ml máu toàn phần. Gồm 2 túi: - Túi thu thập: dung dịch chống đông CPDA-1, bảo quản được máu trong ≥ 35 ngày ở $2 - 6^{\circ}\text{C}$ - Túi chuyển 1: túi rỗng để chứa huyết tương, có khả năng chịu nhiệt độ trong khoảng (-80°C) đến 37°C Kim lấy máu $\geq 16\text{G}$, có nắp nhựa đậy kim Có bộ lấy mẫu chân không, có túi chứa mẫu máu trước khi hiến máu Dây lấy máu: Chiều dài dây lấy máu túi thu thập $\geq 1200\text{mm}$, có 12 đoạn mã số	Túi	12.000
13	Túi đựng máu	- Chất liệu PVC hoặc tương đương, có khả năng thu thập được 250ml máu toàn phần. Gồm 3 túi: - Túi thu thập: chứa dung dịch chống đông CPD, bảo quản được máu trong 21 ngày ở $2 - 6^{\circ}\text{C}$ - Túi chuyển 1: túi rỗng có khả năng bảo quản được tiểu cầu, chịu nhiệt độ trong khoảng (-80°C) đến 37°C - Túi chuyển 2: chứa dung dịch bảo quản có khả năng bảo quản hồng cầu 42 ngày ở $2 - 6^{\circ}\text{C}$, chịu nhiệt độ trong khoảng (-80°C) đến 37°C Kim lấy máu cỡ $\geq 16\text{G}$, có nắp nhựa đậy kim Có bộ lấy mẫu chân không, có túi chứa mẫu máu trước khi hiến máu Dây lấy máu: Chiều dài dây lấy máu túi thu thập $\geq 1400\text{mm}$, có 12 đoạn mã số.	Túi	4.000

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
14	Túi đựng máu	- Chất liệu PVC hoặc tương đương, có khả năng thu thập được 350ml máu toàn phần. Gồm 3 túi: - Túi thu thập: chứa dung dịch chống đông CPD, bảo quản được máu trong 21 ngày ở 2 – 6°C - Túi chuyển 1: túi rỗng có khả năng bảo quản được tiểu cầu, chịu nhiệt độ trong khoảng (-80°C) đến 37°C - Túi chuyển 2: chứa dung dịch bảo quản có khả năng bảo quản hồng cầu 42 ngày ở 2 – 6°C, chịu nhiệt độ trong khoảng (-80°C) đến 37°C Kim lấy máu ≥16G, có nắp nhựa đẩy kim Có bộ lấy mẫu chân không, có túi chứa mẫu máu trước khi hiến máu Dây lấy máu: Chiều dài dây lấy máu túi thu thập ≥1400mm, có 12 đoạn mã số.	Túi	5.000
II. Nhóm số 2: Bơm kim tiêm				
1	Bơm tiêm sử dụng một lần	- Chất liệu nhựa y tế nguyên sinh trong suốt hoặc tương đương, không DEHP, không độc hại, không gây sốt. - Dung tích 3ml, cỡ kim 23G/25G - Tiệt trùng bằng khí EO	Cái	4.500
2	Bơm tiêm sử dụng một lần	- Chất liệu nhựa y tế nguyên sinh trong suốt hoặc tương đương, không DEHP, không độc hại, không gây sốt. - Dung tích 10ml, cỡ kim 23G/25G - Tiệt trùng bằng khí EO	Cái	1.500.000
3	Bơm tiêm sử dụng một lần	- Chất liệu nhựa y tế nguyên sinh trong suốt hoặc tương đương, không DEHP. - Dung tích 1ml, cỡ kim 26G - Tiệt trùng bằng khí EO	Cái	170.000
4	Bơm tiêm sử dụng một lần	- Chất liệu nhựa y tế nguyên sinh trong suốt hoặc tương đương, không DEHP. - Dung tích 20ml, cỡ kim 23G - Tiệt trùng bằng khí EO	Cái	100.000
5	Bơm tiêm sử dụng một lần	- Chất liệu nhựa y tế nguyên sinh trong suốt hoặc tương đương, không DEHP. - Dung tích 5ml, cỡ kim 23G/25G - Tiệt trùng bằng khí EO	Cái	1.100.000
6	Bơm cho ăn sử dụng một lần	- Chất liệu nhựa y tế nguyên sinh trong suốt hoặc tương đương, không DEHP, không độc hại, không gây sốt. - Dung tích 50ml - Đốc xy lạnh to lắp vừa dây cho ăn và có nắp đẩy. - Tiệt trùng bằng khí EO	Cái	12.000
7	Bơm tiêm sử dụng một lần	- Chất liệu nhựa y tế nguyên sinh trong suốt hoặc tương đương, không DEHP, không độc hại, không gây sốt. - Dung tích 50ml - Đốc xy lạnh nhỏ, gắn vừa các cỡ kim. - Tiệt trùng bằng khí EO	Cái	45.000
8	Bơm tiêm nha khoa	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương Dung tích 1,8ml	Cái	70
9	Kim cánh bướm an toàn	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương Cỡ kim 23G, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh. Tiệt trùng bằng khí EO	Cái	1.000
10	Kim chích máu	- Thân kim dạng tròn phù hợp với nhiều mẫu bút lấy máu thử đường huyết. - Cỡ kim 30G, có nắp đẩy	Cây	15.000

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
11	Kim gây tê tủy sống	- Cờ kim 18G x 3 1/2" - Chuôi kim trong suốt, có phản quang, giúp phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra	Cây	200
12	Kim gây tê tủy sống	- Cờ kim 20G x 3 1/2" - Chuôi kim trong suốt, có phản quang, giúp phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra	Cây	200
13	Kim gây tê tủy sống	- Cờ kim 25G x 3 1/2" - Chuôi kim trong suốt, có phản quang, giúp phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra	Cây	12.000
14	Kim luồn tĩnh mạch	- Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay tròn bắt chéo nhau - Đầu kim 3 mặt vát. - Cathether nhựa, có 4 đường cản quang ngầm, vật liệu FEP-Teflon hoặc tương đương - Màng kỹ nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền - Cờ kim 18-24G, có cánh, có cửa	Cây	220.000
15	Kim nha khoa	- Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương - Cờ kim: 27G x 13/16" - Tiệt trùng bằng EO.	Cây	30.000
16	Kim tiêm sử dụng một lần	- Chất liệu: thép không gỉ hoặc tương đương - Cờ kim 18G x 1 1/2", không DEHP - Tiệt trùng bằng khí E.O	Cây	1.200.000
17	Kim tiêm sử dụng một lần	- Chất liệu: thép không gỉ hoặc tương đương, không DEHP - Cờ kim 23G x 1", sắc nhọn, vát 3 cạnh, có nắp đậy bảo vệ. - Tiệt trùng bằng khí E.O	Cây	60.000
18	Kim tiêm sử dụng một lần	- Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương, không DEHP - Cờ kim 25G, có nắp đậy đầu kim. - Tiệt trùng bằng khí EO	Cây	500
19	Kim tiêm sử dụng một lần	- Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương, không DEHP - Cờ kim 26G, có nắp đậy đầu kim - Tiệt trùng bằng khí EO.	Cây	500
III. Nhóm số 3: Khí y tế				
1	Khí Oxy y tế	Dạng lỏng, Chất lượng $\geq 99.5\%$	Kg	1.200.000
2	Khí Oxy y tế	Loại chai 40 lít, Chất lượng $\geq 99.5\%$	Chai	15.000
3	Khí Oxy y tế	Loại chai 14 lít, Chất lượng $\geq 99.5\%$	Chai	400
4	Khí CO2	Loại chai 7 lít, Chất lượng $\geq 99.5\%$	Chai	300
IV. Nhóm số 4: Vật tư dùng trong thăm tách siêu lọc máu				
1	Bộ dây chạy thận nhân tạo	Dây được làm bằng nguyên liệu PVC hoặc tương đương, không Pyrogenic, không Latex. Thể tích mỗi: 136ml Kích cỡ dây phần tiếp xúc bơm máu (đường kính trong x đường kính ngoài x chiều dài): $\geq 8.0 \times 12.0 \times 230$ mm Có túi phát hiện thiếu máu động mạch Tương thích máy chạy thận nhân tạo HDF online NCU-18	Bộ	5.000

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
2	Dây dẫn dịch thay thế trong chạy thận nhân tạo	Dây được làm bằng nguyên liệu PVC hoặc tương đương, không Pyrogenic, không Latex. Thể tích mỗi: 16ml Kích cỡ dây phần tiếp xúc bơm máu (đường kính trong x đường kính ngoài x chiều dài): $\geq 6.35 \times 9.75 \times 236$ mm Tương thích máy chạy thận nhân tạo HDF online NCU-18	Bộ	5.000
3	Quả lọc dịch siêu sạch	Chất liệu màng lọc: Hydrophobic Polyethersulfone hoặc tương đương Diện tích: 0.6 m ² . Điểm cut-off trọng lượng phân tử: ≥ 6000 (Protein) Tiệt trùng: Bằng tia Gamma. Tương thích máy chạy thận nhân tạo HDF online NCU-18	Quả	80
4	Kim chạy thận nhân tạo	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương Kích cỡ 16Gx1". Chiều dài kim: 25mm Đầu kim 3 mặt vát hình chữ V, mặt sau có khe mắt Dây gắn với kim Dây nối bằng nguyên liệu PVC hoặc tương đương, không chứa Pyrogenic, không Latex Chiều dài dây nối: ≥ 300 mm	Cái	10.000
5	Quả lọc thận	Nguyên liệu: màng lọc làm từ sợi Polynephron (Polyethersulfone), không chứa Bisphenol-A(BPA), không chứa DEHP. Diện tích: 1,5 m ² . Thể tích mỗi: 95mL. Hệ số siêu lọc: KUF: ≥ 67 (mL/giờ/mmHg).	Quả	2.000
6	Quả lọc thận	Nguyên liệu: màng lọc làm từ sợi Polynephron (Polyethersulfone), không chứa Bisphenol-A(BPA), không chứa DEHP. Diện tích: 1,7 m ² . Thể tích mỗi: 105mL. Hệ số siêu lọc: KUF: ≥ 74 (mL/giờ/mmHg).	Quả	3.500
7	Phin lọc khí	Phin lọc khí kiểm soát áp lực giúp ngăn ngừa nhiễm chéo trên đường chất lỏng. Màng lọc ngăn vi khuẩn, vi rút với đường kính lỗ lọc 0.1 microns. Nắp đậy trên từng phin lọc đáp ứng kỹ thuật vô khuẩn.	Cái	1.000
V.	Nhóm số 5: Vật tư dùng trong can thiệp nội mạch thần kinh			
1	Ống thông dẫn đường	- Ống thông dẫn đường dạng sheath cho can thiệp thần kinh. - Chất liệu: Polymer hoặc tương đương. - Đường kính trong: 0.088", chiều dài: 80-110cm Dạng Neuronmax hoặc tương đương	Bộ	10
2	Ống hút huyết khối	- Đường kính trong 0.07", đường kính ngoài 0.0825" - Chiều dài làm việc ≥ 125 cm, đầu thẳng. - Lòng ống rộng để hút huyết khối nhiều hơn.	Bộ	5

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
3	Giá đỡ	Stent chuyên dụng lấy huyết khối. Được thiết kế dạng các khung lồng liên kết với nhau. Có từ 3 đến 5 đoạn khung lồng hình cầu, đường kính 3-6 mm, chiều dài 15-44 mm.	Bộ	3
4	Vi ống thông	Chất liệu: lớp trong là PTFE, lớp ngoài phủ Hydrophilic hoặc tương đương. Có nhiều hình dạng đầu. Đường kính trong từ 0.017-0.027", đường kính ngoài đầu gần từ 2.4- 3.1F, đường kính ngoài đầu xa là 1.7-2.6F. Chiều dài sử dụng là 150-156cm. Có hai markers.	Cái	2
5	Khung giá đỡ hẹp mạch nội sọ	- Stent tự giãn nở dùng trong can thiệp điều trị xơ vữa động mạch nội sọ. - Đường kính 3.0-5.0 mm. - Chiều dài 15-30mm. - Stent tương thích với mạch máu đường kính 2.0-2.5mm, 2.5-3.5mm, 3.5-4.5mm. - Tương thích với ống thông gắn bóng đường kính 1.5-4.0mm, chiều dài bóng 8mm. - Có thể thu hồi sau khi thả 90% chiều dài stent.	Cái	2
6	Bóng nong	Bóng nong can thiệp hẹp động mạch não - Chất liệu: PBx, Silicon hoặc tương đương. - Đường kính 1.5-4mm, dài 8mm - Bóng nằm ở đầu microcatheter dài 150cm, lồng trong vi ống thông mang bóng 0.0165". Loại Neurospeed hoặc tương đương	Cái	40
7	Ống hút huyết khối	- Đường kính 0.055", chiều dài 125cm, đầu thẳng. - Tương thích với hệ thống ống thông dẫn đường 6F đường kính trong 0.07"	Bộ	10
8	Dây dẫn các loại	Chất liệu: Nitinol hoặc tương đương, lớp vỏ là PTFE, phủ Hydrophilic Chiều dài: 200 cm, chiều dài đầu xa là 40 cm với lõi là Nitinol hoặc tương đương. Đường kính đầu gần 0.014" và đường kính đầu xa là 0.012". Chiều dài đầu xa có thể uốn được là 1.4cm.	Cái	20
9	Kìm cắt coil	Kìm tích điện sẵn Có đèn báo và tín hiệu chuông để thông báo Dùng để cắt tách vòng xoắn kim loại.	Cái	6
10	Vòng xoắn kim loại	Chất liệu: Platinum hoặc tương đương Có 02 hệ thống coil 10 và coil 18, đường kính: 1-24mm, chiều dài: 1-68cm Hình dạng: các loại	Cái	10

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
11	Vi ống thông các cỡ	Chất liệu: lớp ngoài cùng có phủ Hydrophilic. Chiều dài 156cm, đường kính ngoài đầu gần/xa là 2.1F/1.6F, có 2 markers cân quang. Chiều dài 167cm, đường kính ngoài gần/xa là 2.1F/1.3F, có 1 marker cân quang, đầu thuôn nhọn.	Cái	10
12	Bình chứa gắn với bơm hút huyết khối	Bình chứa dịch gắn với máy bơm hút huyết khối Chất liệu: bằng nhựa cứng hoặc tương đương.	Bộ	5
13	Dây nối với máy bơm hút huyết khối	Dây nối với máy bơm hút huyết khối '- Chất liệu: bằng nhựa mềm hoặc tương đương. - Chiều dài: 200-300cm, lòng trong 8F-9F. - Có van bật tắt hút 1 chiều.	Bộ	10
14	Bóng nong động mạch cảnh các cỡ	- Chất liệu: Nylon, Silicone hoặc tương đương - Đường kính bóng 4-6mm, dài 15-20mm - Tương thích với vi dây dẫn 0.014-0.018". Loại sterling hoặc tương đương.	Cái	5
15	Stent điều trị hẹp động mạch cảnh ngoài sọ	- Chất liệu: Nitinol hoặc tương đương - Đường kính stent 6-9mm, chiều dài sau khi bung 30-40mm - Cấu trúc mắt lưới stent dạng đóng. Loại Caritid wallstent hoặc tương đương	Cái	2
16	Lưới bảo vệ động mạch cảnh và ngoại biên	- Chất liệu: Nitinol, Platinum hoặc tương đương. - Đường kính: 4 - 5mm, dài 5-15mm. - Cấu tạo: Hệ thống giữ dụng cụ có 2 đầu để đặt và thu lưới, có lõi dài 300cm có thể cắt bớt, hệ thống đưa lên theo dây dẫn qua chỗ hẹp. Loại Spider FX hoặc tương đương	Cái	5
17	Ống thông chụp mạch não và ngoại biên	- Chất liệu: Polymer có gia cố lớp đan thép. - Đường kính trong: 0.038-0.035", đường kính ngoài 4-5F. -- Chiều dài: 70-100 cm - Cấu tạo: thân có lớp gia cố đan bằng thép Loại rainbow hoặc tương đương	Cái	10
18	Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu	- Chất liệu: bằng nhựa mềm hoặc tương đương, có dây dẫn bằng thép - Kích thước: 5-8F. Chiều dài: 11-70cm Dạng Starflex hoặc tương đương	Bộ	20
19	Đầu nối chữ Y	- Chất liệu: bằng nhựa cứng hoặc tương đương, có van khóa. - Chiều dài: 3-10cm, lòng trong 9F - Đầu nối Y- Star dạng bấm và vận.	Bộ	20

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
20	Dụng cụ đóng mạch máu	Dụng cụ đóng mạch máu bằng cách khâu chỉ - Chất liệu: chỉ silk hoặc tương đương. - Tương thích với lỗ đâm kim dùng sheath 6-8F. - Đặc điểm: đóng mạch máu bằng cách tạo mối chỉ 2 bên lỗ đâm động mạch và thắt chỉ. Loại Proglide hoặc tương đương.	Bộ	5
21	Dây dẫn can thiệp mạch máu thần kinh	Cấu trúc vòng xoắn kép, hình dạng đầu tip. Lớp phủ SLIP-COAT hoặc tương đương trên nền polymer. Dài 170-180 cm Đường kính: 0.010-0.018" Chiều dài khả dụng: 300 cm	Cái	10
22	Dây dẫn can thiệp chẩn đoán mạch máu	Dây dẫn can thiệp mạch máu anguis phủ lớp ái nước hydrophilic - Cấu tạo: Nitinol hoặc tương đương. - Đường kính: 0.018"; 0.035". - Chiều dài: 45 - 180cm. - Hình dạng đầu tip: các loại.	Bộ	20
VI.	Nhóm số 6: Vật tư sử dụng trong chẩn đoán hình ảnh			
1	Hộp đựng tấm nhận ảnh X-quang kỹ thuật số	- Kích thước: 24cm x 30cm - Hộp đựng tấm nhận ảnh (Cassette) được dùng như phương tiện để lưu trữ và truyền tải hình ảnh X quang đến trạm làm việc	Cái	8
2	Hộp đựng tấm nhận ảnh X-quang kỹ thuật số	- Kích thước: 35.4cm x 35,4cm - Hộp đựng tấm nhận ảnh (Cassette) được dùng như phương tiện để lưu trữ và truyền tải hình ảnh X quang đến trạm làm việc	Cái	12
3	Hộp đựng tấm nhận ảnh X-quang kỹ thuật số	- Kích thước: 35.4cm x 43cm - Hộp đựng tấm nhận ảnh (Cassette) được dùng như phương tiện để lưu trữ và truyền tải hình ảnh X quang đến trạm làm việc	Cái	12
4	Phim dùng cho chụp X-quang y tế	- Kích thước: 26cm x 36cm - Tương thích với dòng máy in phim model: DryPix 6000 và DryPix 4000	Tấm	360.000
5	Phim dùng cho chụp X-quang y tế	- Kích thước: 35cm x 43cm - Tương thích với dòng máy in phim model: DryPix 6000 và DryPix 4000	Tấm	260.000
6	Tấm nhận ảnh X-quang kỹ thuật số	- Kích Thước: 24cm x 30cm - Tấm nhận ảnh (IP) được dùng như phương tiện để lưu trữ và truyền tải hình ảnh X quang đến trạm làm việc	Cái	8
7	Tấm nhận ảnh X-quang kỹ thuật số	- Kích Thước: 35.4cm x 35.4cm Tấm nhận ảnh (IP) được dùng như phương tiện để lưu trữ và truyền tải hình ảnh X quang đến trạm làm việc	Cái	12
8	Tấm nhận ảnh X-quang kỹ thuật số	- Kích Thước: 35.4cm x 43cm Tấm nhận ảnh (IP) được dùng như phương tiện để lưu trữ và truyền tải hình ảnh X quang đến trạm làm việc	Cái	12

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
VII.	Nhóm số 7: Vật tư dùng trong điều trị áp lực âm (Tương thích với máy hút áp lực âm CNP P3 hãng Lohmann & Rauscher GmbH/Áo)			
1	Bộ điều trị hút áp lực âm cỡ L	Bộ vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - 01 xốp phủ vết thương bằng Polyurethane dạng tổ ong, kích thước khoảng 25 x 15 x 3 cm. - 01 miếng lót với ống hút bằng polyvinyl có 4 lỗ trong đó 1 lỗ trung tâm hút dịch 3 lỗ làm nhiệm vụ thông khí để cảnh báo áp lực hút tại vết thương, kẹp đường ống, đầu nối có chốt khóa đóng mở - 01 miếng bọc phẫu thuật - 03 màng bọc vết thương dạng film khoảng 10 x 25 cm	Bộ	10
2	Bộ điều trị hút áp lực âm cỡ S	Bộ vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - 01 xốp phủ vết thương bằng Polyurethane dạng tổ ong, kích thước khoảng 10 x 15 x 1 cm. - 01 miếng lót với ống hút bằng polyvinyl có 4 lỗ trong đó 1 lỗ trung tâm hút dịch 3 lỗ làm nhiệm vụ thông khí để cảnh báo áp lực hút tại vết thương, kẹp đường ống, đầu nối có chốt khóa đóng mở - 01 miếng bọc phẫu thuật - 03 màng bọc vết thương dạng film khoảng 10 x 25 cm	Bộ	20
3	Túi chứa dịch thải	Túi chứa dịch thải dùng cho máy hút áp lực âm, bằng nhựa Vinyl với tấm đỡ bằng polyethylene, kèm dây nối hút dịch, kẹp đường ống, có phin lọc kháng khuẩn, khử mùi, chất gel tạo đông, cảm biến báo khi dịch đầy. Kích thước: 250 ml, 1000ml	Cái	30
4	Bộ chăm sóc hậu môn nhân tạo	Đế dán vào da có độ pH giống như da từ 4.0 - 5.5, sử dụng cho các trường hợp hậu môn nhân tạo hồi tràng và niệu quản. - Chất liệu: Hydrocolloid - Thời gian sử dụng trung bình từ 3 đến 5 ngày, tối đa 7 ngày. - Đế bằng cho người có hậu môn nhân tạo lỗi, sử dụng kèm túi phân. Kích cỡ: 70mm	Cái	50
5	Bộ chăm sóc hậu môn nhân tạo	Túi hậu môn nhân tạo 2 mảnh, có khóa cuốn, có bộ lọc khí - Chất liệu túi: Vinyl - Đường kính vòng gắn 70mm, chiều dài túi 30cm - Túi chứa loại trong hoặc đục, gồm 4 lớp - Lưu lượng thông khí khoảng 300mm², bộ lọc khí không thấm nước. Vòng gắn khớp với đế dán và không gây đau cho người bệnh - Dùng với đế dán túi cùng hãng, chất liệu Hydrocolloid	Cái	50
6	Vòng bảo vệ da chống loét	- Là sự kết hợp hydrocolloid và dịch kết dính, sau đó được liên kết lại bằng siêu sợi. - Nhờ vậy vòng dính tốt vào da bị viêm, ngăn ngừa dịch tiêu hóa tiếp xúc với da bị viêm, giúp da mau lành. - Đường kính lỗ: 98 mm	Cái	5

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
7	Kem chống xỉ	- Thành phần: Pectin, Carboxymethylcellulose và alcohol. - Đặc tính: màu nâu sáng, dạng sệt hơi nhạt, ẩm, có chứa cồn. - Kích cỡ: 60g	Tuýp	5
8	Băng hấp thụ dịch tối ưu	Thành phần: Tấm thấm: polyetylen, polypropylen, xenlulo, natri polyacrylat (polyme siêu hấp thụ) lớp chất mang: màng polyurethane với chất kết dính polyacrylate thân thiện với da (không chứa colophony và các dẫn xuất colophony) Khả năng hấp thụ: Lõi thấm hút bằng polyme siêu hấp thụ có khả năng hấp thụ gấp 20 lần trọng lượng của chính nó - Lớp đệm thấm: polyetylen, polypropylen, xenlulo, natri polyacrylat (polyme siêu hấp thụ). Khả năng hấp thụ của Vliwasorb® cao hơn gấp đôi so với băng thấm truyền thống có lõi xenlulo Khả năng lưu giữ rất cao, giữ lại dịch tiết vết thương một cách an toàn bên trong băng, giải phóng tới 88% chất lỏng đã hấp thụ trước đó - Tiệt trùng bằng Ethylenedioxide (EO) - Kích thước lỗ thấm trên lớp tiếp xúc: lớp tiếp xúc vết thương không dính làm bằng PE-foil (Polyetylen); kích thước lỗ 0,3mm ± 0,05; 280 lỗ /cm²; Khuẩn lạc bề mặt thấp khi có vi sinh vật: Lượng vi sinh vật trên bề mặt tiếp xúc vết thương của Vliwasorb® thấp hơn so với băng thấm hút có lõi xenlulo (lông tơ) - Kích thước: 10x10 cm	Miếng	25
9	Băng hấp thụ dịch tối ưu	Thành phần: Tấm thấm: polyetylen, polypropylen, xenlulo, natri polyacrylat (polyme siêu hấp thụ) lớp chất mang: màng polyurethane với chất kết dính polyacrylate thân thiện với da (không chứa colophony và các dẫn xuất colophony) Khả năng hấp thụ: Lõi thấm hút bằng polyme siêu hấp thụ có khả năng hấp thụ gấp 20 lần trọng lượng của chính nó - Lớp đệm thấm: polyetylen, polypropylen, xenlulo, natri polyacrylat (polyme siêu hấp thụ). Khả năng hấp thụ của Vliwasorb® cao hơn gấp đôi so với băng thấm truyền thống có lõi xenlulo Khả năng lưu giữ rất cao -giữ lại dịch tiết vết thương một cách an toàn bên trong băng -giải phóng tới 88% chất lỏng đã hấp thụ trước đó - Tiệt trùng bằng Ethylenedioxide (EO) - Kích thước lỗ thấm trên lớp tiếp xúc: lớp tiếp xúc vết thương không dính làm bằng PE-foil (Polyetylen); kích thước lỗ 0,3mm ± 0,05; 280 lỗ /cm²; Khuẩn lạc bề mặt thấp khi có vi sinh vật: Lượng vi sinh vật trên bề mặt tiếp xúc vết thương của Vliwasorb® thấp hơn so với băng thấm hút có lõi xenlulo (lông tơ) - Kích thước: 10x20 cm	Miếng	25
10	Bột chống loét	- Thành phần: Pectin, gelatin và carboxymethylcellulose với tỷ lệ tương đương nhau giúp ổn định độ pH ở vùng da bị tổn thương. - Đặc tính: Chiết xuất tự nhiên, dạng bột, hút ẩm, chống kích ứng và bảo vệ da xung quanh hậu môn nhân tạo.	Chai	5

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
11	Gạc hút dịch	- Khả năng hấp thụ: dạng miếng gạc: 16,6 g / 100 cm², dạng sợi: 15,98 g / 100 cm² - Thành phần: Gạc hút dịch tạo gel, diệt trùng Suprasorb® A + Ag bao gồm sự kết hợp đồng nhất của sợi alginat canxi và sợi alginat bạc (1,5% ion bạc). + Sợi alginate bao gồm khoảng 60% axit mannuronic và khoảng 40% axit guluronic. - Bạc có trong băng vết thương: Có hoạt tính diệt khuẩn phổ rộng, bao gồm MRSA và VRE. Trong ống nghiệm, 5,5 ppm / 10 cm² của ion bạc được giải phóng khỏi các sợi alginate bạc (1,5%) trong vòng 24 giờ. - Kích thước: 10x10 cm	Miếng	50
VIII. Nhóm số 8: Vật tư dùng trong xét nghiệm				
1	Đầu côn vàng	Dung tích 200µl; Có khóa	Cái	480.000
2	Đầu côn xanh	Dung tích 1000µl; Có khóa	Cái	240.000
3	Hóa chất nhuộm Giemsa	Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Giemsa Chai/ ≥ 100ml	Chai	96
4	Đầu tip vô trùng	Kích cỡ đầu tip: 10 - 20µl Hộp/ ≥ 96 cái	Hộp	24
5	Đầu tip vô trùng	Kích cỡ đầu tip: 1000µl Hộp/ ≥ 60 cái	Hộp	24
6	Đầu tip vô trùng	Kích cỡ đầu tip: 100 - 200µl Hộp/ ≥ 96 cái	Hộp	24
7	Đĩa Petri	Hộp nhựa vô trùng, đường kính ≥ 90mm	Đĩa	12.000
8	Đĩa yếu tố V, X, XV	Gồm 3 tube (1 tube chứa que giấy X, 1 tube chứa que giấy V, 1 tube chứa que giấy XV), chứa 10 que giấy dùng thực hiện thử nghiệm xác định nhu cầu cần yếu tố X (hemin) và/hoặc V để định danh vi khuẩn Haemophilus Bộ/ ≥ 10 test	Bộ	4
9	Dung dịch thử ASO	Dùng để thực hiện xét nghiệm Antistreptolysin O (ASO) trong máu	Test	1.000
10	Test thử RF	Xét nghiệm ngưng kết nhanh latex để sàng lọc định tính và xác định bán định lượng yếu tố thấp khớp trong huyết thanh người. Quy cách: Hộp/ 100 test	Test	1.000
11	Lam kính	Lam kính nhám Kích thước: ≥ (25.4 x 76.2mm), độ dày 1 - 1.2mm	Miếng	54.688
12	Lammen	Kích thước: ≥ (22 x 22mm), độ dày 0.16 - 0.19mm	Miếng	54.000
13	Lọ đựng bệnh phẩm	Lọ nhựa, dung tích ≥ 55ml; Nắp nhựa màu đỏ, có nhãn	Lọ	48.000
14	Ống Eppendorf	Ống ≥ 1.5ml, đáy nhọn, không vô trùng	Tuýp	4.800
15	Ống bóp nhựa (Pipette)	Thể tích ≥ 3ml Dùng hút vô trùng một thể tích mầm cây hay bệnh phẩm	Ống	4.800
16	Ống lấy máu có nắp	Dung tích ≥ 5ml Ống nghiệm nhựa hình trụ đáy tròn, nắp nhựa ấn trong hoặc ấn ngoài, có nắp, có nhãn	Ống	240.000
17	Ống lấy máu không nắp	Dung tích ≥ 5ml Ống nghiệm nhựa hình trụ đáy tròn, nắp nhựa ấn trong hoặc ấn ngoài, không nắp, không nhãn	Ống	120.000
18	Ống nghiệm Citrate	Dung tích ≥ 5ml Ống nghiệm nhựa, kích thước ≥ (13 x 75mm), bên trong chứa chất kháng đông Trisodium Citrate Dihydrate 3.8%	Ống	115.200
19	Ống nghiệm có bi	Dung tích ≥ 5ml Ống nghiệm nhựa, kích thước ≥ (13 x 75mm), nắp nhựa màu đỏ. Bên trong chứa hạt nhựa Polystyrene (PS)	Ống	300.000

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
20	Ống nghiệm có chất chống đông máu Edta	Thể tích chứa mẫu 2ml Ống nghiệm nhựa, nắp nhựa màu xanh dương, bên trong chứa chất kháng đông EDTA K2	Ống	9.600
21	Ống nghiệm có chất chống đông máu Edta	Thể tích chứa mẫu 1ml Ống nghiệm nhựa, nắp nhựa màu xanh dương, bên trong chứa chất kháng đông EDTA K2	Ống	388.800
22	Ống nghiệm có chất chống đông máu Edta	Thân ống nghiệm được làm bằng nhựa PP hoặc tương đương, bên trong chứa chất kháng đông EDTA K3, thể tích $\geq 0.5\text{ml}$; Nắp ống nghiệm được làm từ nhựa LDPE hoặc tương đương Kích thước $\geq (12 \times 75\text{mm})$	Ống	48.000
23	Anti A	Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti-A	Lọ	720
24	Anti B	Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai B	Lọ	720
25	Anti D	Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti-D	Lọ	480
26	AHG	Huyết thanh chẩn đoán để phát hiện in-vitro của lớp phủ kháng thể ở hồng cầu người Lọ/ $\geq 10\text{ml}$	Lọ	720
27	Ống nghiệm thủy tinh	Chất liệu thủy tinh, thể tích $\geq 5\text{ml}$	Ống	20.000
28	Tăm bông vô khuẩn	Dùng để lấy các mẫu vi sinh cần hoặc không cần môi trường chuyên chở tùy vào mục đích xét nghiệm	Que	7.200
29	Định danh trực khuẩn Gram âm	Là một hệ thống gồm 14 thử nghiệm sinh hoá dùng để định danh trực khuẩn Gram âm, dễ mọc Bộ/ ≥ 20 test	Bộ	72
30	Widal Test	Phát hiện kháng thể kháng vi khuẩn Salmonella trong huyết thanh người. Hộp/ $\geq 8 \times 5\text{ml}$	Hộp	2.000
31	Giấy thấm	Đường kính 125mm Hộp/ ≥ 100 tờ	Hộp	120
32	Vòng cao su thắt trĩ	Làm bằng cao su có độ bền cao	Cái	400
33	Que lấy mẫu bệnh phẩm	Chất liệu: Gỗ Được tiệt trùng từng que	Que	4.000
34	Que thử đường huyết	Xác định hàm lượng đường huyết trong máu	Que	77.000
35	Môi trường BHI Broth	Tăng sinh không chọn lọc tất cả các vi khuẩn, ngoại trừ Haemophilus influenzae. Chai/ $\geq 500\text{gram}$	Chai	10

DANH MỤC HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM
PHỤC VỤ CÔNG TÁC KHÁM, CHỮA BỆNH

(Đính kèm Biên bản số: /BB-BVNT ngày / /2025 của Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận)

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
I.	Nhóm số 1: Hóa chất dùng trong sàng lọc máu			
1	Anti-HCV Reagent kit	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hóa phát quang để phát hiện định tính kháng thể kháng virus viêm gan C (anti-HCV) trong huyết thanh và huyết tương người. Hộp/ ≥ 100 test	Test	22.000
2	Anti-HCV Calibrator	Hóa chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hóa phát quang để phát hiện định tính kháng thể kháng virus viêm gan C (anti-HCV) trong huyết thanh và huyết tương người. Hộp/(1chai x ≥ 4 ml)	Hộp	12
3	Anti-HCV Controls	Hóa chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hóa phát quang để phát hiện định tính kháng thể kháng virus viêm gan C (anti-HCV) trong huyết thanh và huyết tương người. Hộp/(2 chai x ≥ 8 ml)	Hộp	24
4	Màng ngăn	Màng ngăn hóa chất, chống bay hơi, chống bị đổ trong quá trình để trên máy. Hộp/ ≥ 200 cái	Hộp	16
5	Cồng phản ứng	Vật chứa dùng một lần trong đó phản ứng CMIA diễn ra. Hộp/ $\geq (8 \times 500)$ cái)	Hộp	38
6	HBsAg Reagent kit	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hóa phát quang (CMIA) để định tính kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B (HBsAg) trong mẫu huyết thanh và huyết tương người. Hộp/ ≥ 100 test	Test	23.000
7	HBsAg Calibrators	Mẫu chuẩn được sử dụng để hiệu chuẩn khi thực hiện định tính và khẳng định có kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B (HBsAg) trong huyết thanh và huyết tương người. Hộp/(2 chai x ≥ 4 ml)	Hộp	12
8	HBsAg Controls	Mẫu chứng được dùng để ước tính độ chính xác của xét nghiệm và độ lệch hệ thống khi thực hiện xét nghiệm định tính và khẳng định có kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B (HBsAg) trong huyết thanh và huyết tương người. Hộp/(2 chai x ≥ 8 ml)	Hộp	24

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
9	HIV Ag/Ab Combo Calibrator	Mẫu chuẩn được dùng để hiệu chuẩn hệ thống khi thực hiện xét nghiệm định tính phát hiện đồng thời kháng nguyên HIV p24 và các kháng thể kháng virus gây suy giảm miễn dịch týp 1 và /hoặc týp 2 (HIV-1/HIV-2) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Hộp/(1 chai x $\geq 4\text{ml}$)	Hộp	12
10	HIV Ag/Ab Combo Reagent kit	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hóa phát quang (CMIA) để phát hiện định tính đồng thời kháng nguyên HIV p24 và các kháng thể kháng virus gây suy giảm miễn dịch ở người loại 1 và hoặc loại 2 (HIV-1/HIV-2) trong huyết thanh và huyết tương người. Hộp/ ≥ 100 test	Test	23.000
11	HIV Ag/Ab Combo Controls	Mẫu chứng được dùng để ước tính độ chính xác của xét nghiệm và phát hiện độ lệch hệ thống của khi thực hiện xét nghiệm định tính phát hiện đồng thời kháng nguyên HIV p24 và các kháng thể kháng virus gây suy giảm miễn dịch ở người týp 1 và/hoặc týp 2 (HIV-1/HIV-2) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Hộp/(4 chai x $\geq 8\text{ml}$)	Hộp	24
12	Dung dịch phản ứng miễn dịch	Dung dịch natri hydroxit được sử dụng để tạo ra phản ứng phát quang hóa học cung cấp kết quả đọc cuối cùng. Hộp/(4 x $\geq 975\text{ml}$)	Hộp	22
13	Syphilis TP Calibrator	Mẫu chuẩn được sử dụng để hiệu chuẩn hệ thống cho phát hiện định tính kháng thể kháng Treponema pallidum (TP) trong huyết thanh và huyết tương người. Hộp/(1 chai x $\geq 4\text{ml}$)	Hộp	12
14	Syphilis TP Controls	Mẫu chứng được sử dụng để ước tính độ chính xác và phát hiện độ lệch sai số hệ thống cho phát hiện định tính kháng thể kháng Treponema pallidum (TP) trong huyết thanh và huyết tương người. Hộp/(2 chai x $\geq 8\text{ml}$)	Hộp	24
15	Syphilis TP Reagent kit	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hóa phát quang (CMIA) để phát hiện định tính kháng thể kháng Treponema pallidum (TP) trong huyết thanh và huyết tương người, bao gồm cả mẫu thu thập cho khám nghiệm tử thi (không còn nhịp tim). Hộp/ ≥ 100 test	Test	22.000
16	Dung dịch xử lý tiền phản ứng	Dung dịch hydrogen peroxide được sử dụng để tách thuốc nhuộm acridinium ra khỏi liên hợp liên kết với phức hợp vi hạt. Hộp/(4 x $\geq 975\text{ml}$)	Hộp	21
17	Dung dịch rửa kim	Dung dịch rửa kim hút mẫu để ngăn ngừa các chất không đặc hiệu bám vào kim. Sử dụng trong quy trình bảo trì hàng ngày, có thành phần là huyết tương người đã vô khuẩn hóa lại. Hộp/(4 chai x $\geq 25\text{ml}$)	Chai	12

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
18	Dung dịch rửa đệm đậm đặc	Dung dịch có chứa muối đệm phosphate được sử dụng trong suốt quá trình xét nghiệm miễn dịch. Hộp/(4 chai x $\geq 975\text{ml}$)	Hộp	90
19	Cốc đựng mẫu	Cốc đựng mẫu là một vật chứa dùng một lần với thể tích $\geq 1400\text{ }\mu\text{L}$ để chứa các mẫu bệnh phẩm, mẫu chuẩn hoặc mẫu chứng. Các vạch chia độ thể tích giúp đổ đầy cốc đựng mẫu, loại bỏ nhu cầu dùng pipet chính xác. Hộp/ ≥ 1000 cái	Cái	5.000
II.	Nhóm số 2: Hóa chất sử dụng cho Hệ thống Real time PCR (Tương thích với máy xét nghiệm 7500 Fast Dx Real - Time PCR Instrument/Life Technologies Holding Pte Ltd)			
1	Bộ xét nghiệm định tính DNA các gen kháng kháng sinh carbapenem	- Bộ xét nghiệm dùng để phát hiện sàng lọc các carbapenemase chính thuộc nhóm Ambler A,B và D chịu trách nhiệm kháng kháng sinh carbapenem - Nguồn mẫu: mẫu phết trực tràng và khuẩn lạc vi khuẩn - Tính năng kỹ thuật: + Giới hạn phát hiện (LOD): 8.7 - 94.1 copies/phản ứng + Độ đặc hiệu chẩn đoán: 96.3 - 99.4% + Độ nhạy chẩn đoán: 97.6 - 100% + Độ chính xác: 96.6 - 99.5% + Kết quả phát hiện trên 4 kênh màu: gen carbapenemases nhóm B (IMP, VIM, NDM) được phát hiện trên kênh FAM; gen Acinetobacter OXA (OXA-23-like, OXA-24-like, ISAbal/OXA-51-like, OXA-58-like được phát hiện trên kênh JOE/HEX; gen carbapenemases nhóm A+D (OXA-48-like, KPC được phát hiện trên kênh Cy5 và chứng nội (16S rRNA) được phát hiện trên kênh ROX. + Hóa chất PCR master mix sẵn sàng sử dụng + Có sử dụng UNG enzyme - Thành phần cung cấp (100 test/bộ): + Carba-Screen Real-time mix: 4x 500μL + PC carba screen: 2 x 70μL	Bộ	10

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
2	Bộ xét nghiệm định tính DNA để phân biệt các gen kháng kháng sinh carbapenem và colistin	- Bộ xét nghiệm dùng để xác định các carbapenemases Ambler A,B và D chính chịu trách nhiệm kháng kháng sinh carbapenem và gen kháng colistin - Nguồn mẫu: mẫu phết trực tràng và khuẩn lạc vi khuẩn - Tính năng kỹ thuật: + Giới hạn phát hiện (LOD): 8.8 - 21.7 copies/phản ứng (đối với IMP, VIM, NDM) 1.5 - 13.3 copies/phản ứng (đối với KPC, OXA-48-like, mcr 1,2,4) + Độ đặc hiệu chẩn đoán: 100% (đối với IMP, VIM, NDM) 96.9 - 98.9% (đối với KPC, OXA-48-like, mcr 1,2,4) + Độ nhạy chẩn đoán: 100% + Độ chính xác: 100% (đối với IMP, VIM, NDM) 97.5 - 99% (đối với KPC, OXA-48-like, mcr 1,2,4) + Kết quả phát hiện trên 4 kênh màu: - Carba B Real-time mix: gen IMP được phát hiện trên kênh FAM, gen VIM được phát hiện trên kênh JOE/HỄ, gen NDM được phát hiện trên kênh Cy5, chứng nội (16S rRNA) được phát hiện trên kênh ROX. - Carba A+D Real-time mix: gen KPC được phát hiện trên kênh FAM, gen OXA-48-like được phát hiện trên kênh JOE/HEX, gen mcr-1, mcr-2, mcr-4 được phát hiện trên kênh Cy5, chứng nội (16S rRNA) được phát hiện trên kênh ROX. + Hóa chất PCR master mix sẵn sàng sử dụng + Có sử dụng UNG enzyme - Thành phần cung cấp (50 test/bộ): + Carba A+D Real-time mix: 2 x 500µL + Carba B Real-time mix: 2 x 500µL + PC Carba A+D: 1 x 70µL + PC Carba B: 1 x 70µL	Bộ	20

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
3	Bộ xét nghiệm chi định cho tách chiết nucleic acid (DNA bộ gen, DNA vi khuẩn, DNA/RNA virus) từ đa nguồn mẫu bằng công nghệ hạt từ trên hệ thống tách chiết tự động	- Bộ xét nghiệm chi định cho tách chiết nucleic acid (DNA bộ gen, DNA vi khuẩn, DNA/RNA virus) từ đa nguồn mẫu (huyết tương, huyết thanh, các dịch cơ thể không tế bào, nước tiểu, các dạng mẫu phết, mẫu máu tươi/đông lạnh, dịch nổi mẫu phân, vi khuẩn nuôi cấy, dịch rửa phế quản, BAL, mẫu đờm và dịch nổi tế bào nuôi cấy) bằng công nghệ hạt từ trên hệ thống tách chiết tự động. - Độ tinh sạch DNA hệ gen thu được từ mẫu máu: 1.8 - 2.1 (A260:A280) - Thông số kỹ thuật: hiệu suất thu hồi 3-6 µg nucleic acids đối với mẫu máu toàn phần có chứa lượng tế bào leukocyte từ 3×10^6 đến 1×10^7 tế bào/ml - Thời gian tách chiết từ 40-60 phút bao gồm bước ly giải tế bào - Có Carrier RNA hỗ trợ tách chiết - DNA tách chiết ứng dụng cho kỹ thuật PCR, NGS, các phương pháp lai và HLA - Sử dụng trên máy tách chiết tự động - Thành phần cung cấp (480 test/bộ): + Lysozyme Buffer: 1 x 15ml + Lysozyme: 1 x 150mg + Lysis Buffer HLT: 1 x 120ml + Carrier RNA: 10 x 1.2ml + RNase Free Water: 2 x 15ml + Proteinase K: 10 x 1.1ml + SNAP Solution: 1 x 10.5ml + Binding Solution: chai rỗng (thể tích cuối 120ml) + Wash Buffer HLT: 1 x 360ml (thể tích cuối 600ml) + Wash Buffer II: 1 x 180ml (thể tích cuối 600ml) + Wash Buffer M: 1 x 150ml (thể tích cuối 600ml) + Elution Buffer M: 1 x 60ml + 1.5ml Receiver Tubes: 10 x 50 cái + Sealing Foils: 10 cái + Cung cấp kèm phụ kiện: đủ cho 480 test	Bộ	5

PHỤ LỤC 03
MẪU YÊU CẦU CHÀO GIÁ CỦA BỆNH VIỆN ĐA KHOA NINH THUẬN

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Hạn dùng ($\geq$ tháng)	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)=(9)*(10)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									
	Tổng cộng									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hàng hóa)

2. Đơn giá trên báo giá đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển và các chi phí dịch vụ liên quan.

3. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm. ..[ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

4. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

..., ngày.... tháng....năm 2025

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

PHỤ LỤC 03.1**MẪU ĐÍNH KÈM TÀI LIỆU THÔNG SỐ KỸ THUẬT HÀNG HÓA CỦA BỆNH VIỆN ĐA KHOA NINH THUẬN*****Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận***

Trên cơ sở yêu cầu cung cấp các tài liệu đính kèm báo giá của Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] cung cấp như sau:

Stt	Stt theo thư yêu cầu chào giá	Danh mục thiết bị y tế	Tên thương mại	Mã sản phẩm	Phân loại TBYT	Hồ sơ công bố tiêu chuẩn (Loại A, B)	Số lưu hành, số đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy phép nhập khẩu (Loại C, D)	Ghi chú
1								
2								
...								

....., ngày.... tháng....năm 2025

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))